

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 04-2026

Chuyên viên Phân tích

Mai Trung Nghĩa Email: ngiamt@vikkibanks.vn

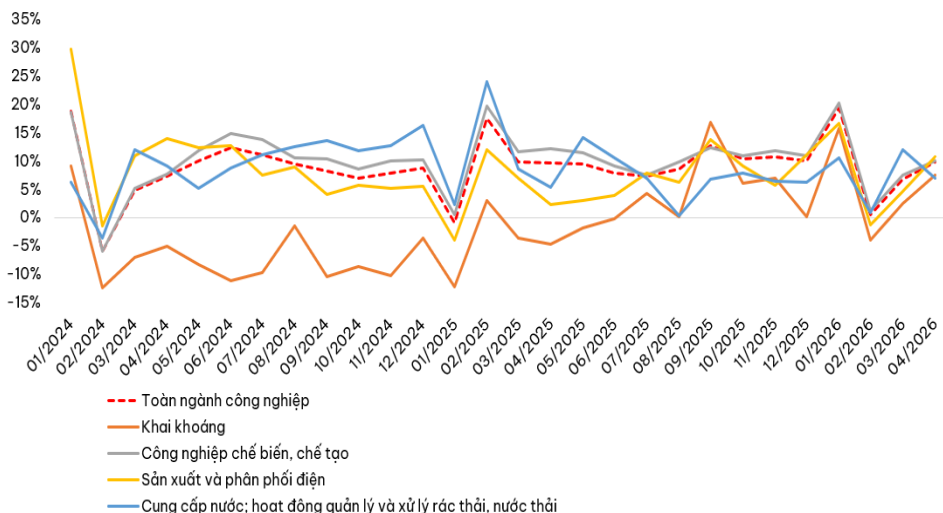
Nhân viên Phân tích

Tạ Thanh Hoàn Như Email: nhutth@vikkibanks.vn

TÓM TẮT SỰ KIỆN

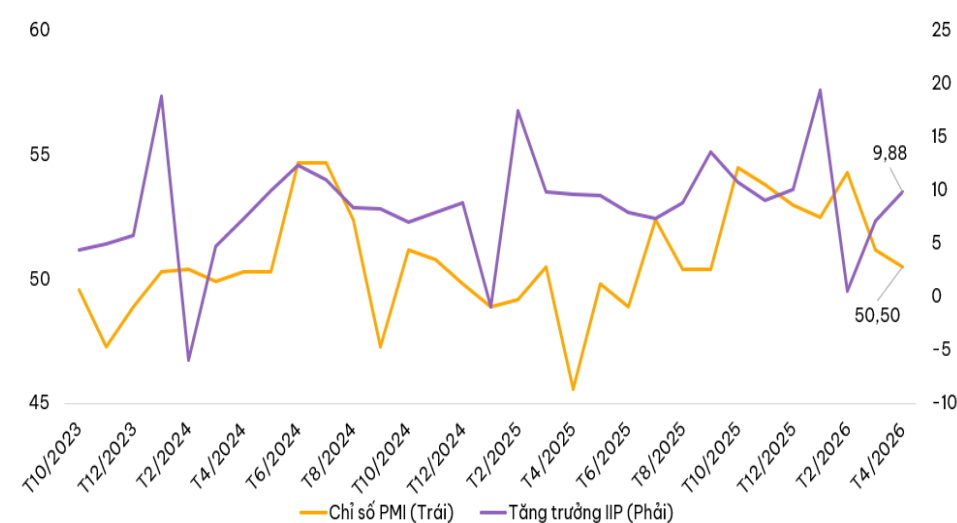
Chủ đề	Sự kiện/Chỉ tiêu	Diễn biến chính	Đánh giá
Vĩ mô Việt Nam	Chỉ số PMI tiếp tục suy yếu	PMI tháng 4/2026 tiếp tục giảm từ mức 51,2 điểm của tháng 3 xuống còn 50,5 điểm, mức thấp nhất trong vòng 7 tháng. Các doanh nghiệp sản xuất ghi nhận số lượng đặt hàng mới giảm khi áp lực lạm phát đạt mức cao của 15 năm trong bối cảnh chi phí nhiên liệu tăng cao do xung đột tại Trung Đông kéo dài. Sản lượng tiếp tục đà tăng trong tháng 4/2026, nhưng tốc độ tăng đã giảm lại và trở thành mức tăng thấp nhất trong vòng 10 tháng.	Tiêu cực
	Lãi suất hạ nhiệt	Ngày 09/04, các ngân hàng thống nhất thực hiện chủ trương giảm lãi suất huy động và cho vay theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (SBV). Chúng tôi cho rằng việc duy trì mặt bằng lãi suất ổn định và có xu hướng giảm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cá nhân mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh, qua đó thúc đẩy nhu cầu tín dụng và hỗ trợ đà phục hồi của nền kinh tế. Đồng thời, chi phí vốn hạ nhiệt cũng góp phần cải thiện dòng tiền, nâng cao hiệu quả đầu tư và củng cố niềm tin trên thị trường tài chính trong ngắn hạn.	Tích cực
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2026 tăng 0,84% so với tháng trước và tăng 5,46% so với cùng kỳ năm ngoái, cho thấy áp lực lạm phát vẫn hiện hữu và có xu hướng gia tăng trở lại. Diễn biến này có thể phần nào hạn chế dự địa nới lỏng chính sách tiền tệ trong ngắn hạn, đồng thời đặt ra yêu cầu điều hành thận trọng hơn nhằm cân bằng giữa mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát lạm phát.	Trung lập
	Dòng vốn FDI tiếp tục được khơi thông	Dòng vốn FDI thực hiện tại Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2026 ước đạt 7,40 tỷ USD, tăng 9,8% YoY và là mức cao nhất cùng kỳ trong 5 năm gần đây, cho thấy dòng vốn ngoại tiếp tục duy trì xu hướng tích cực. Qua đó, phần ánh niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào triển vọng kinh tế Việt Nam. Đáng chú ý, vốn tập trung chủ yếu vào công nghiệp chế biến, chế tạo và kinh doanh bất động sản, chiếm khoảng 90% tổng vốn thực hiện, phần ánh sức hút của lĩnh vực sản xuất – xuất khẩu cũng như kỳ vọng phục hồi của thị trường bất động sản.	Tích cực
Vĩ mô thế giới	Chiến sự tại Trung Đông	Thỏa thuận ngừng bắn giữa Iran và Mỹ đang đứng trước thách thức khi hai nước tuyên bố có hành động nhắm vào tàu của nhau ở eo biển Hormuz, trong khi UAE báo cáo có cuộc tấn công vào lãnh thổ mình. Điều này lại một lần nữa làm dấy lên lo ngại về tình hình an ninh năng lượng thế giới khi giá dầu đang được neo giữ quanh mức 100 USD/thùng.	Tiêu cực

Hình 1: Tăng trưởng IIP của Việt Nam (%YoY)



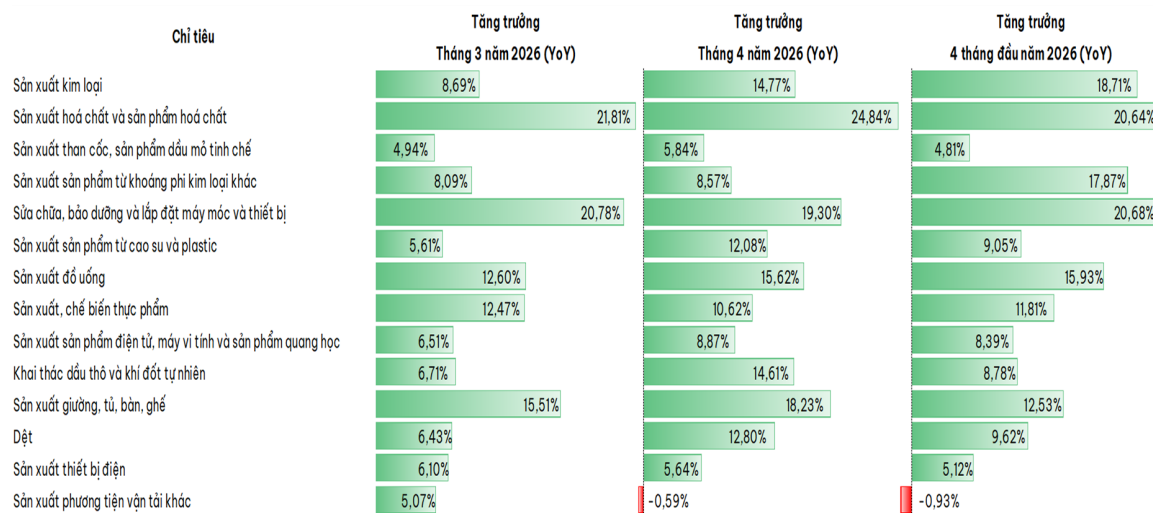
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 2: Chỉ số PMI & Tăng trưởng IIP (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

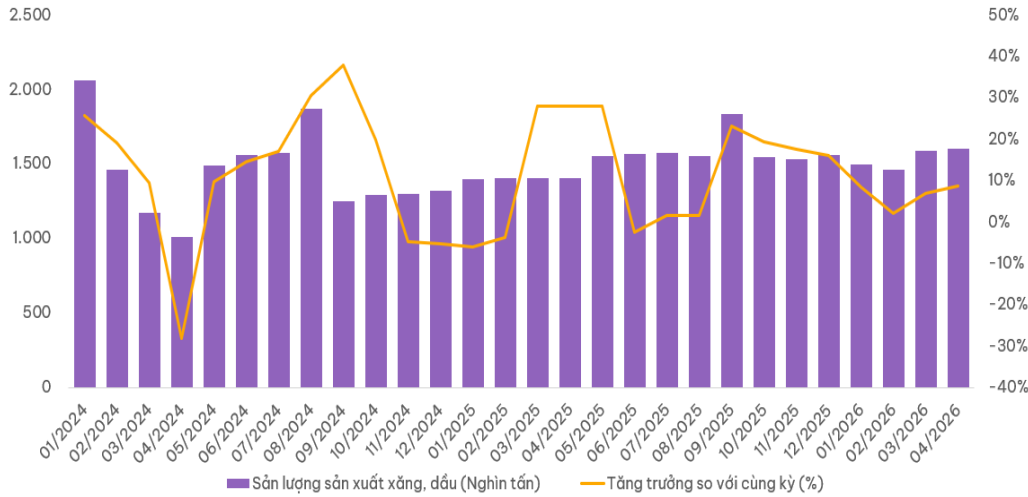
Hình 3: Tăng trưởng IIP của một số ngành công nghiệp trọng điểm



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

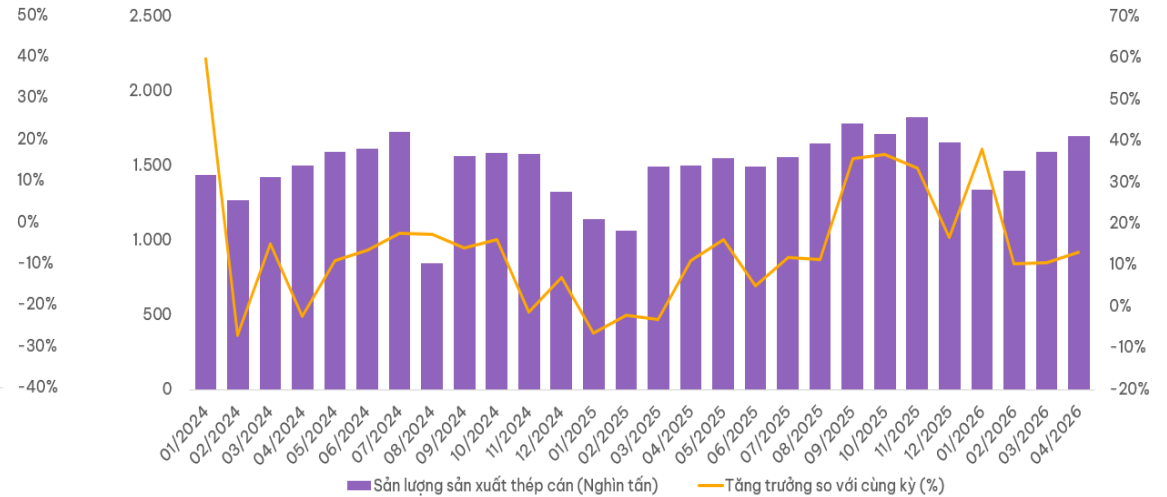
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 04/2026 ước tăng 3% so với tháng trước và tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, IIP ước tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 8,6%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,9% (cùng kỳ năm 2025 tăng 10,6%), đóng góp 7,8 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,5% (cùng kỳ năm 2025 tăng 4,5%), đóng góp 0,7 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 4,0% (cùng kỳ năm 2025 giảm 4,6%), đóng góp 0,6 điểm phần trăm trong mức tăng chung.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 4/2026 tiếp tục giảm từ mức 51,2 điểm của tháng 3 xuống còn 50,5 điểm, mức thấp nhất trong vòng 7 tháng. Các doanh nghiệp sản xuất ghi nhận số lượng đặt hàng mới giảm khi áp lực lạm phát đạt mức cao của 15 năm trong bối cảnh chi phí nhiên liệu tăng cao do xung đột tại Trung Đông kéo dài. Qua đó, kéo theo việc các công ty giảm bớt số lượng việc làm, hoạt động mua hàng và hàng tồn kho. Sản lượng tiếp tục đà tăng trong tháng 4/2026, nhưng tốc độ tăng đã giảm lại và trở thành mức tăng thấp nhất trong vòng 10 tháng. Mặt khác, chi phí đầu vào và giá cả đầu ra tăng mạnh nhất kể từ tháng 4/2011 đã khiến số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài giảm đáng kể trong 2 tháng liên tiếp.

Hình 4: Sản lượng xăng, dầu theo tháng (%YoY)



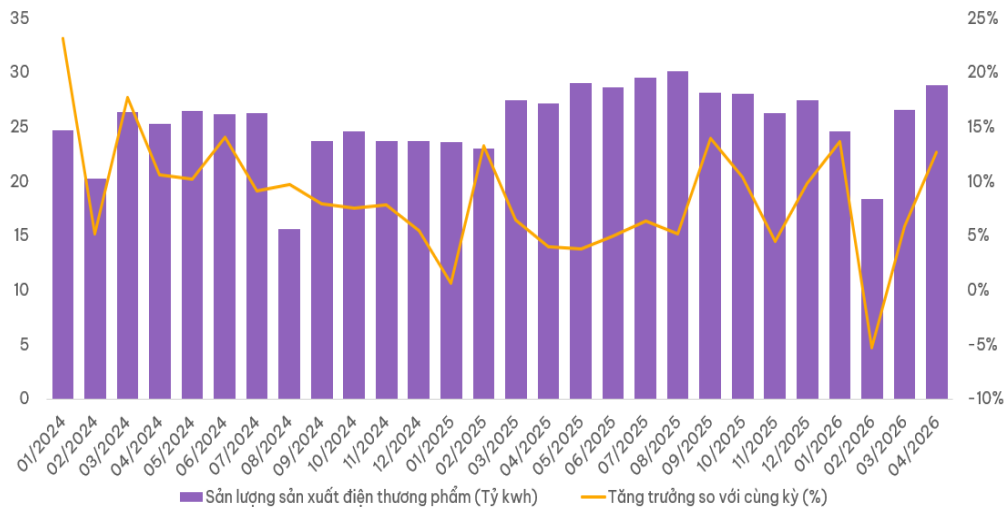
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 5: Sản lượng thép cán theo tháng (%YoY)



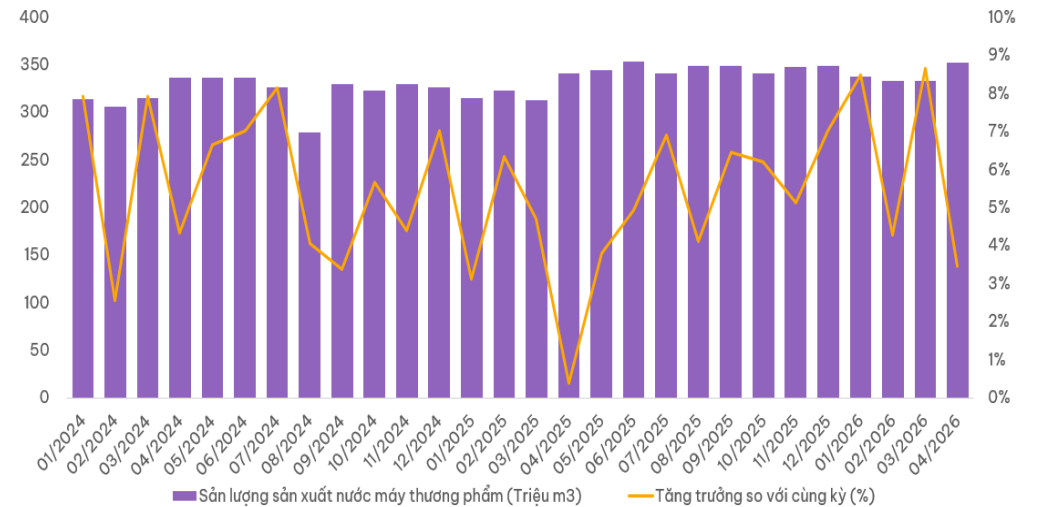
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 6: Sản lượng sản xuất điện thương phẩm theo tháng (%YoY)



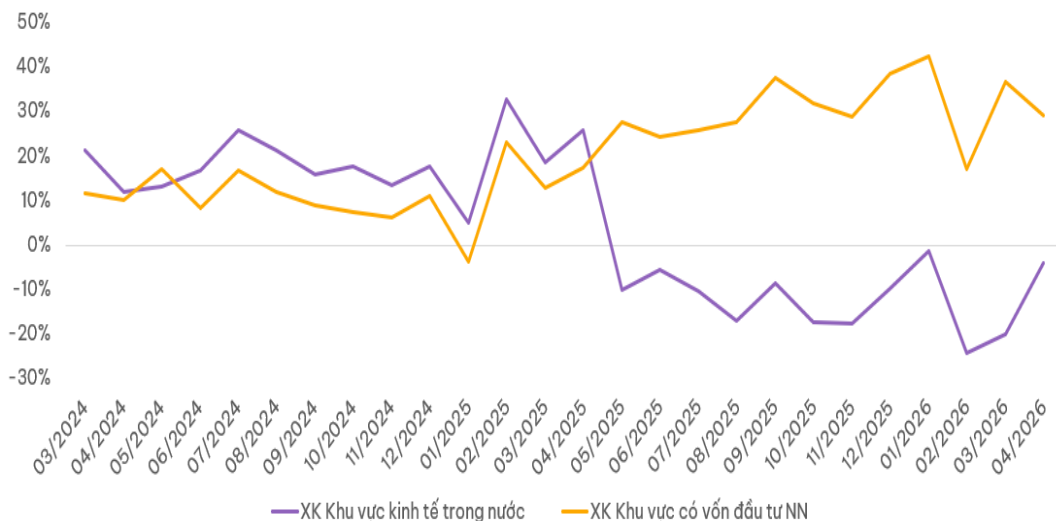
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 7: Sản lượng sản xuất nước máy thương phẩm theo tháng (%YoY)



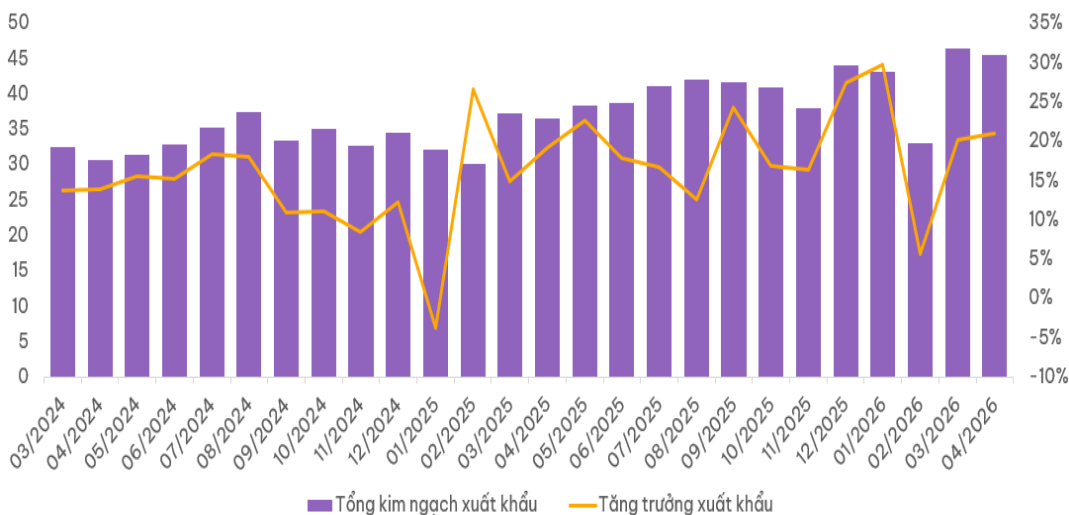
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 8: Tăng trưởng xuất khẩu qua các tháng (%YoY)



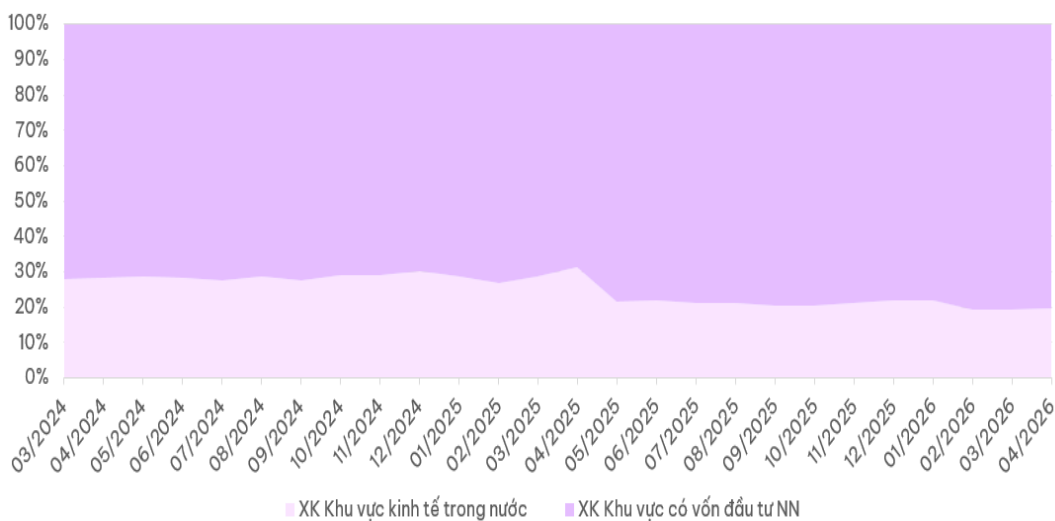
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 10: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

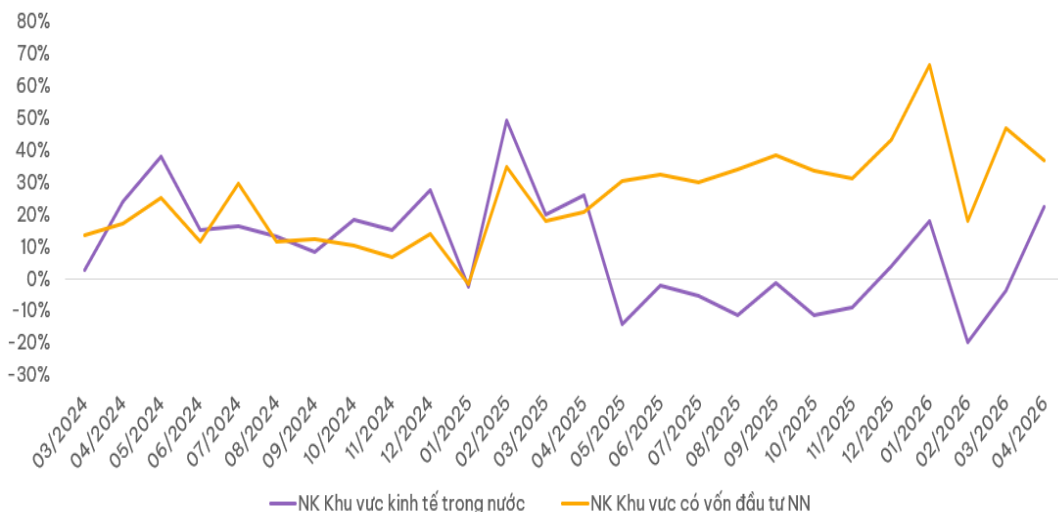
Hình 9: Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

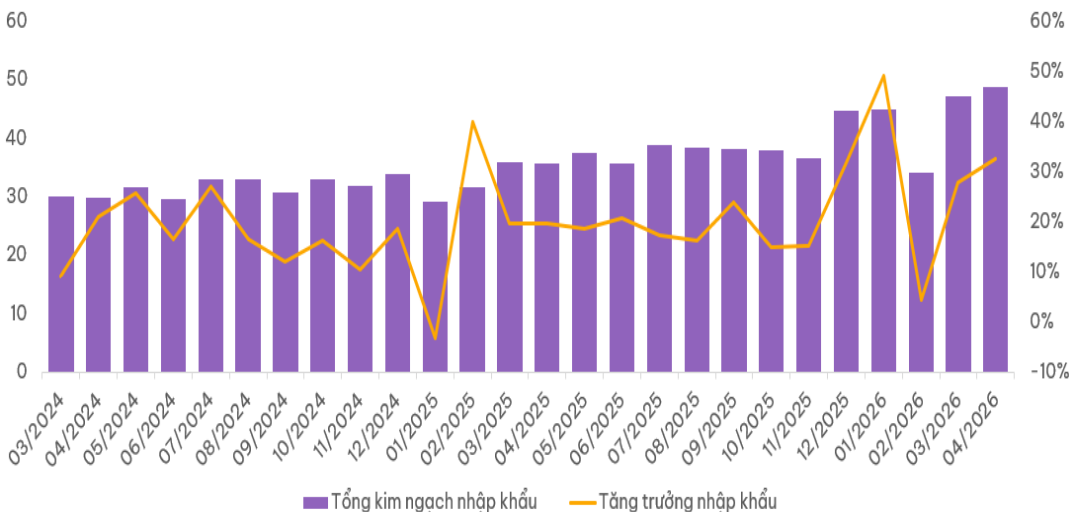
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa T4/2026 ước đạt 45,52 tỷ USD, giảm 2% so với tháng trước và tăng 21% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 8,88 tỷ USD, giảm 4,2% (YoY); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 36,64 tỷ USD, tăng 29,2% (YoY).
- Tính chung 4 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 168,53 tỷ USD, tăng 19,7% (YoY). Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 5 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+49,1% YoY); Điện thoại các loại và linh kiện (+21,1% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+20,5% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 25,8% với giá trị xuất khẩu đạt 134,88 tỷ USD – chiếm 80,5% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng nhẹ 0,4% với giá trị xuất khẩu đạt 33,65 tỷ USD – chiếm 19,5% tổng kim ngạch.

Hình 11: Tăng trưởng nhập khẩu qua các tháng (%YoY)



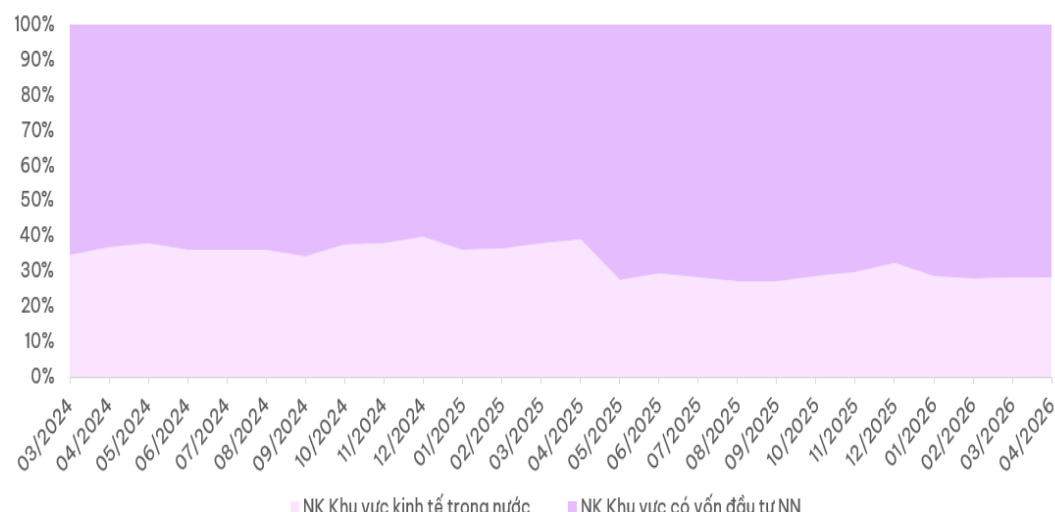
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

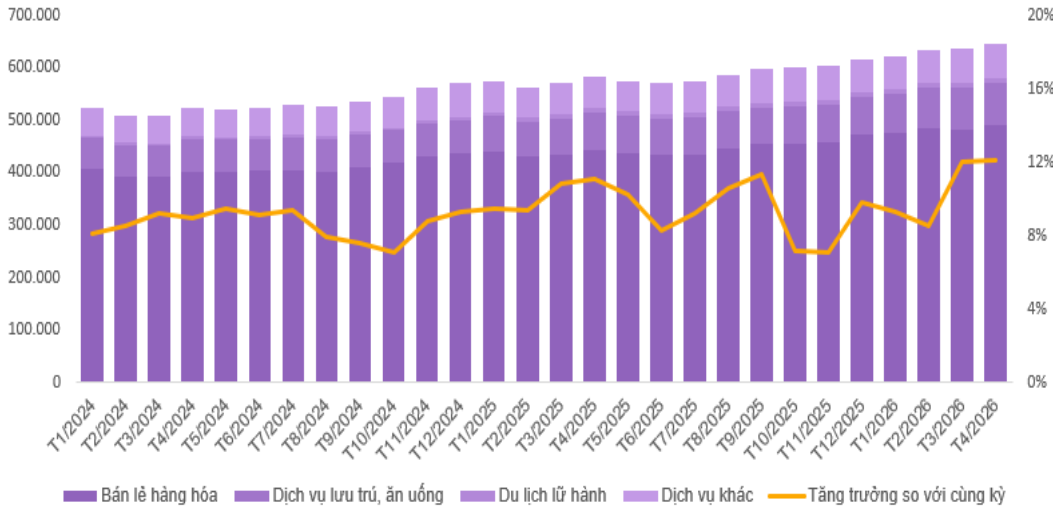
Hình 12: Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T4/2026 ước đạt 48,8 tỷ USD, tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 32,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 13,8 tỷ USD, tăng 22,7% (YoY); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 35 tỷ USD, tăng 36,8% (YoY).
- Tính chung 4 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 175,64 tỷ USD, tăng 28,7% (YoY). Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị nhập khẩu trên 5 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+52,3% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+20,2% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 32,3% với giá trị nhập khẩu đạt 126,37 tỷ USD – chiếm 71,7% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng 20,4% với giá trị nhập khẩu đạt 49,27 tỷ USD – chiếm 28,3% tổng kim ngạch.

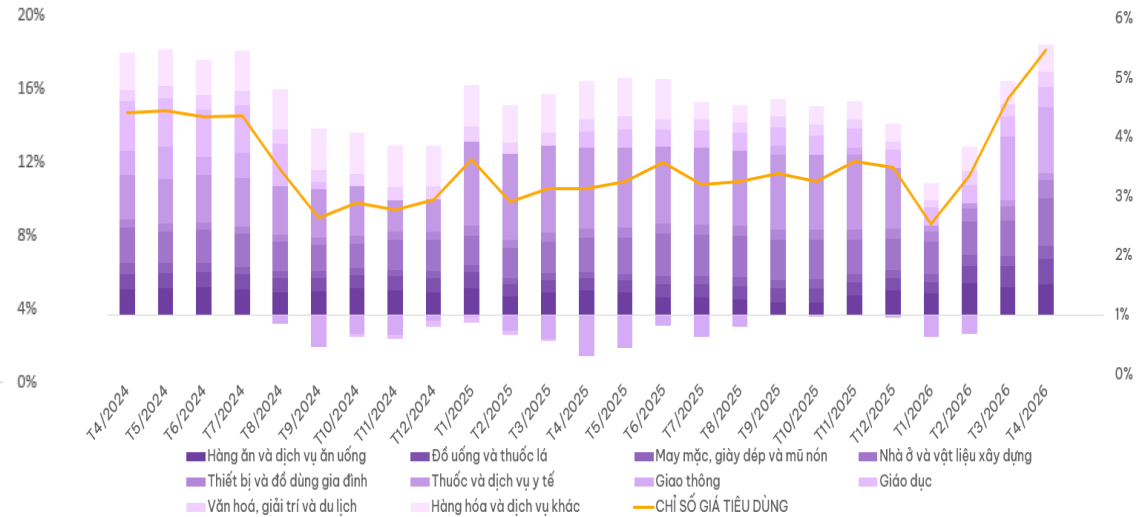
Hình 14: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng qua các tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Tư ước đạt 646,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhóm hàng xăng, dầu các loại tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước; hàng lương thực, thực phẩm tăng 11,6%; hàng may mặc tăng 9,7%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 9,3%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 8,1%; dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 14,1%; du lịch lữ hành tăng 6,5% và các nhóm hàng dịch vụ khác tăng 9,4%.
- Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 2.546,6 nghìn tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,3%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa bốn tháng đầu năm 2026 ước đạt 1.938,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 76,1% tổng mức và tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm hàng may mặc tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước; hàng lương thực, thực phẩm tăng 10,2%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 7,9%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 6,2% và nhóm hàng hóa khác tăng 18,2%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa bốn tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Quảng Ninh tăng 12,8%; Bắc Ninh tăng 11,5%; Cần Thơ tăng 10,4%; Hải Phòng tăng 10,3%.
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống bốn tháng đầu năm 2026 ước đạt 317,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,5% tổng mức và tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu bốn tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Đà Nẵng tăng 17,7%; Hải Phòng tăng 14,6%; Cần Thơ tăng 14,5%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 9,5%; Hà Nội tăng 9,0%.
- Doanh thu du lịch lữ hành bốn tháng đầu năm 2026 ước đạt 31,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,3% tổng mức và tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước do lượng khách du lịch nội địa và khách quốc tế đến Việt Nam tăng cao trong những dịp lễ, Tết. Doanh thu bốn tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Cần Thơ tăng 16,1%; Hải Phòng tăng 13,7%; Hà Nội tăng 11,5%; Đà Nẵng tăng 8,6%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,7%.
- Doanh thu dịch vụ khác bốn tháng đầu năm 2026 ước đạt 258,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 15: Chỉ số CPI và mức tăng trưởng của các nhóm ngành (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2026 tăng 0,84% so với tháng trước chủ yếu do giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới, giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình và vật liệu xây dựng tăng do chi phí nguyên liệu đầu vào, vận chuyển tăng. CPI tháng 4/2026 tăng 3,31% so với tháng 12/2025 và tăng 5,46% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, CPI tăng 3,99% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,89%. Trong mức tăng 0,84% của CPI tháng 4/2026 so với tháng trước có 10 nhóm hàng tăng giá, riêng chỉ số giá nhóm giao thông giảm. Cụ thể, 10 nhóm hàng tăng giá như sau:

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,59% (tác động làm tăng CPI chung 0,59 điểm phần trăm), chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau: Giá gas tăng 35,3% (tác động làm tăng CPI chung 0,46 điểm phần trăm); giá dầu hỏa tăng 26,95%; giá dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 4,28%; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 4,11%; dịch vụ về nước sinh hoạt tăng 1,24%; điện sinh hoạt tăng 1,06%; dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 0,84%; giá thuê nhà tăng 0,79%, trong đó, giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 1,93%. Ở chiều ngược lại, giá nước sinh hoạt giảm 1,11% do sản lượng tiêu thụ giảm.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,85% do chi phí nhập khẩu, sản xuất và phân phối tăng. Trong đó, giá nước tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 1,50% so với tháng trước; nước giải khát có ga tăng 1,29%; thuốc lá tăng 1,25%; rượu bia các loại tăng 0,64%; nước quả ép tăng 0,45%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,78% do chi phí nguyên vật liệu, nhân công và vận chuyển tăng. Trong đó, một số mặt hàng có mức giá tăng: Giá sửa chữa thiết bị gia đình tăng 1,40%; đèn điện thấp sáng và giương, tủ, bàn ghế cùng tăng 0,99%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,97%; quạt điện tăng 0,79%; nồi điện tăng 0,75%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,72%; tủ lạnh tăng 0,62%; lò vi sóng, lò nướng, bếp từ tăng 0,47%; máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,33%. Ở chiều ngược lại, giá thuê người phục vụ giảm 0,11% do nhu cầu thuê dọn dẹp, giúp việc giảm sau thời gian cao điểm Tết Nguyên đán.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,64%, chủ yếu do chỉ số giá dịch vụ hiếu hỉ tăng 1,04%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 0,77%; đồ dùng cá nhân tăng 0,72%. Ở chiều ngược lại, nhóm đồ trang sức giảm 4,11% theo giá vàng trong nước.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,63%, chủ yếu ở những mặt hàng sau: Giá nhóm du lịch trọn gói tăng 1,71% (du lịch trong nước tăng 1,78%; du lịch ngoài nước tăng 1,25%); dịch vụ liên quan đến vật nuôi tăng 1,02%; dịch vụ thể thao tăng 0,89%; khách sạn, nhà khách và đồ chơi trẻ em cùng tăng 0,69%; thiết bị thể dục thể thao tăng 0,61%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,58% (tác động làm CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm), trong đó: Lương thực tăng 0,67%; ăn uống ngoài gia đình tăng 1,94% (tác động tăng 0,18 điểm phần trăm). Riêng nhóm thực phẩm có chỉ số giá không đổi.

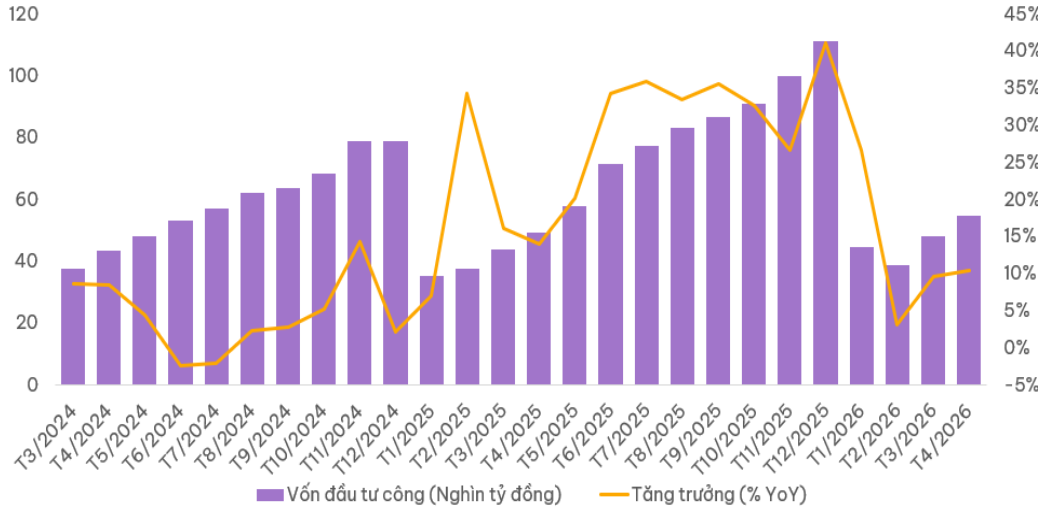
- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,52% do chi phí nguyên vật liệu, vận chuyển và nhân công tăng. Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ giày dép tăng 1,20%; dịch vụ may mặc tăng 1,19%; mũ nón tăng 0,74%; vải các loại tăng 0,62%; may mặc khác tăng 0,61%; quần áo may sẵn tăng 0,45% do chi phí đầu vào tăng.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,17%, trong đó, giá máy điện thoại di động thông thường tăng 1,19%; máy vi tính và phụ kiện tăng 1,14%; dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng 0,87%; máy in, máy chiếu, máy quét tăng 0,36%; dịch vụ truyền hình và internet tăng 0,11%. Ở chiều ngược lại, giá thiết bị âm thanh màu giảm 0,40%; máy điện thoại cố định giảm 0,04%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,13% chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu dược và chi phí sản xuất, phân phối tăng. Cụ thể, giá nhóm thuốc chống dị ứng và nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt cùng tăng 0,57%; thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,46%; hoóc môn và thuốc tác động vào hệ nội tiết tăng 0,43%; thuốc tim mạch tăng 0,42%; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,33%.

- Nhóm giáo dục tăng 0,08%, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 0,04% chủ yếu do một số trung tâm gia sư, dạy thêm điều chỉnh học phí. Bên cạnh đó, sản phẩm từ giấy tăng 0,82%; bút viết các loại tăng 0,71%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,66%.
- Riêng nhóm giao thông giảm 0,81% (tác động làm CPI chung giảm 0,08 điểm phần trăm) chủ yếu do giá xăng giảm 3,19% giảm theo giá thế giới. Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng và dịch vụ giao thông tăng giá như sau: Chỉ số giá dầu diesel tăng 18,55%; chỉ số giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 12,43%; chỉ số giá nhóm bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 1,35%; chỉ số giá nhóm phụ tùng tăng 1,17%; giá dịch vụ trông giữ xe tăng 1,22%; dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,93%; giá xe đạp tăng 0,82%; xe ô tô mới tăng 0,42%; xe máy tăng 0,23%.
- Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, CPI tăng 3,99% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng cao nhất với 6,25%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,71%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,89%; giao thông tăng 3,48%; giáo dục tăng 3,25%; đồ uống và thuốc lá tăng 3,15%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,38%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,05%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,79%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,94%; riêng thông tin và truyền thông giảm 0,09%.
- Lạm phát cơ bản tháng 4/2026 tăng 0,88% so với tháng trước và tăng 4,66% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân bốn tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 3,89% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,99% của CPI bình quân chung do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động mạnh làm CPI chung tăng, trong khi các yếu tố này được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

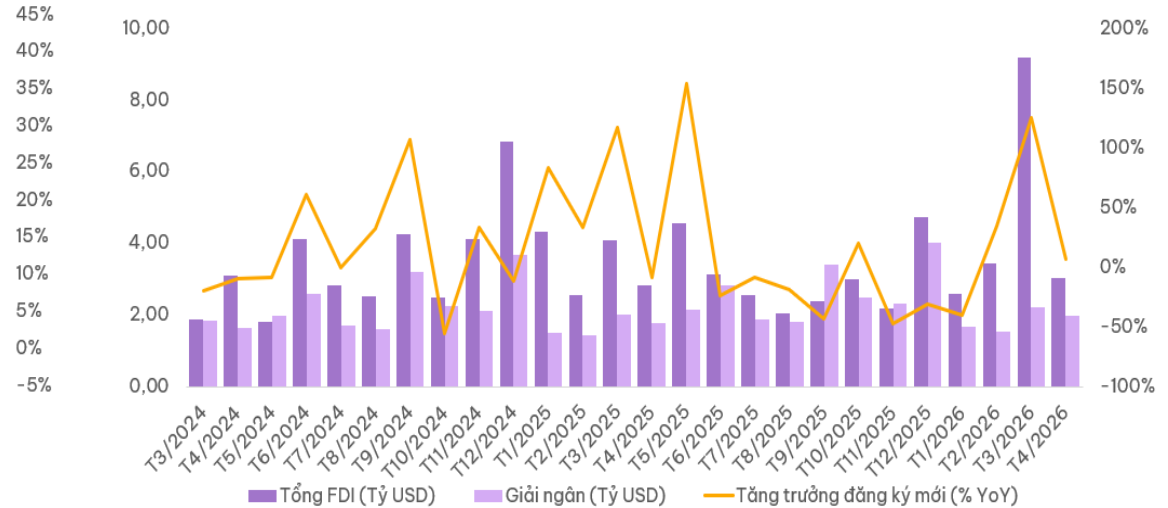
Hình 16: Tăng trưởng đầu tư công qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

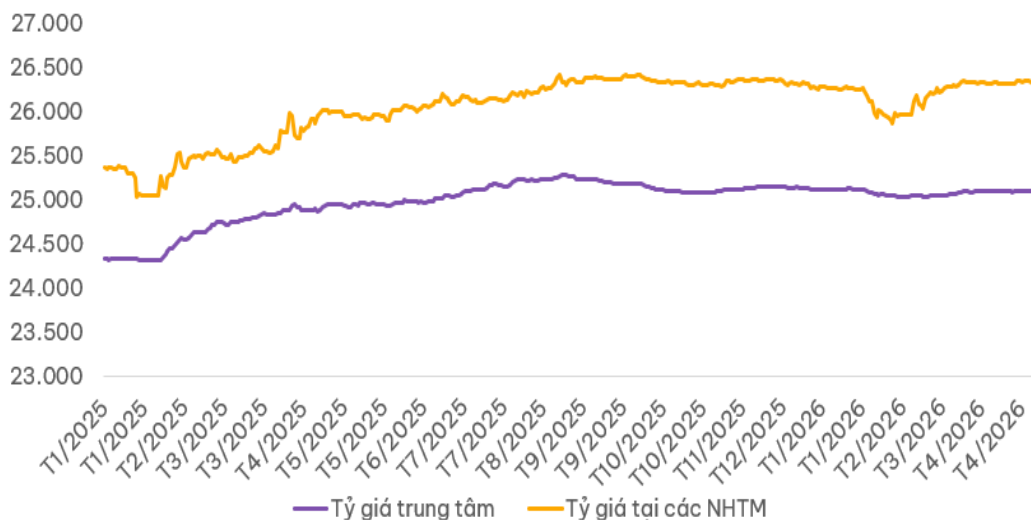
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 4/2026 ước đạt gần 54,8 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước. Theo cấp quản lý, vốn Trung ương 7,8 nghìn tỷ đồng, tăng 2,1% (YoY); vốn địa phương quản lý 47 nghìn tỷ đồng, tăng 9,3% (YoY). Tính chung bốn tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 187,1 nghìn tỷ đồng, bằng 19,7% kế hoạch năm và tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 16,7% và tăng 20,5%).
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 27/4/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 18,24 tỷ USD, tăng 32,0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký cấp mới có 1.249 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 12,15 tỷ USD, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và gấp 2,2 lần về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 8,12 tỷ USD, chiếm 66,8% tổng vốn đăng ký cấp mới; sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đạt 2,31 tỷ USD, chiếm 19,0%; các ngành còn lại đạt 1,72 tỷ USD, chiếm 14,2%.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam bốn tháng đầu năm 2026 ước đạt 7,40 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của bốn tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,12 tỷ USD, chiếm 82,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 540,5 triệu USD, chiếm 7,3%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 270,6 triệu USD, chiếm 3,7%.

Hình 17: Tăng trưởng FDI tại Việt Nam qua các tháng (%YoY)



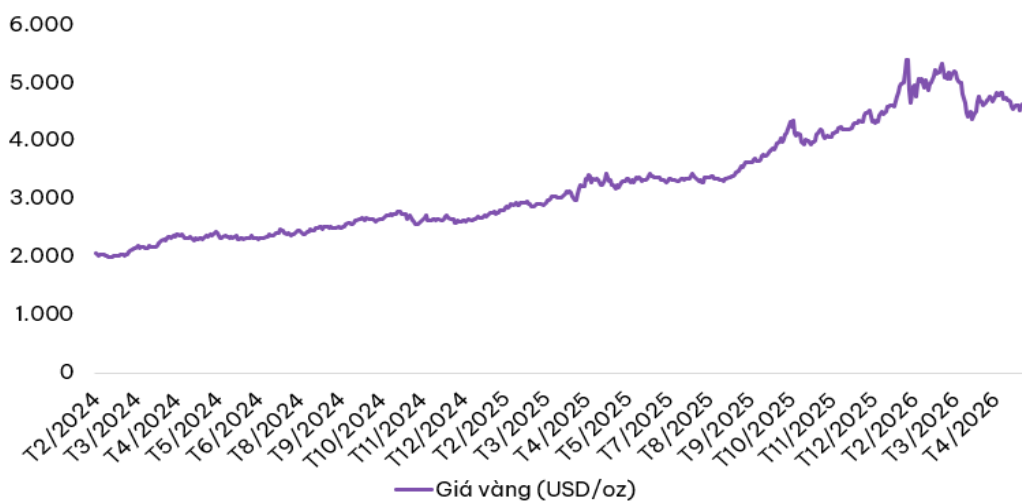
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 18: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 20: Giá vàng thế giới



Nguồn: VikkiBankS Research

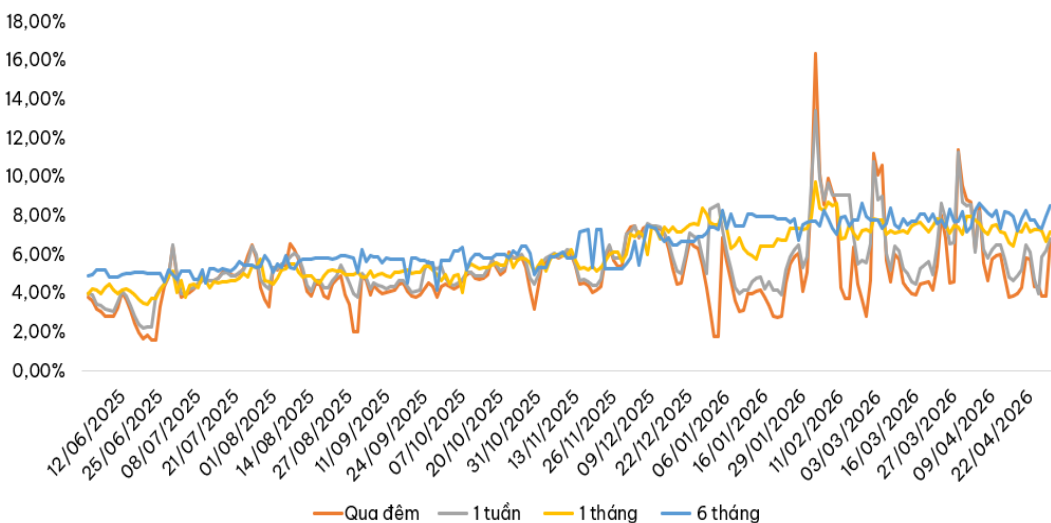
Hình 19: Chỉ số Dollar (DXY)



Nguồn: VikkiBankS Research

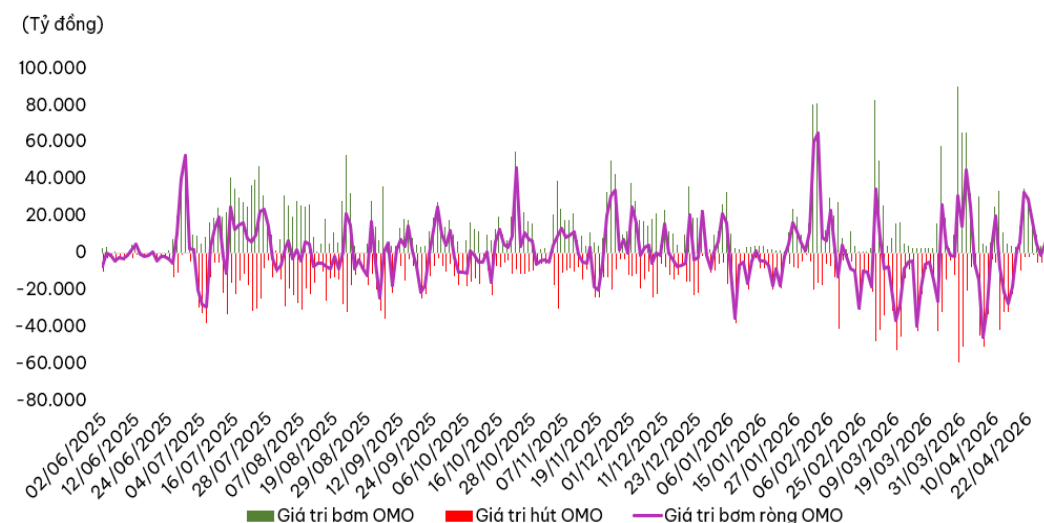
- Tính đến ngày 27/04/2026, chỉ số DXY đạt mức 98,5 điểm, giảm 1,68% so với tháng trước do chiến tranh thương mại leo thang, thị trường đang kỳ vọng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất trong nửa cuối năm 2026. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 26.360 VND/USD.
- Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 28/4/2026, bình quân giá vàng thế giới ở mức 4.761,71 USD/ounce, giảm 2,4% so với tháng 3/2026. Trong tháng 4/2026, giá vàng thế giới giảm do hoạt động chốt lời của các nhà đầu tư sau giai đoạn tăng mạnh trước đó. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng Tư giảm 6,71% so với tháng trước, chủ yếu do giá vàng được các doanh nghiệp kinh doanh điều chỉnh giảm theo giá vàng thế giới. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá vàng tăng 54,24%; so với tháng 12/2025 tăng 10,83%; bình quân bốn tháng đầu năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 75,13%.

Hình 21: Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 22: Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)



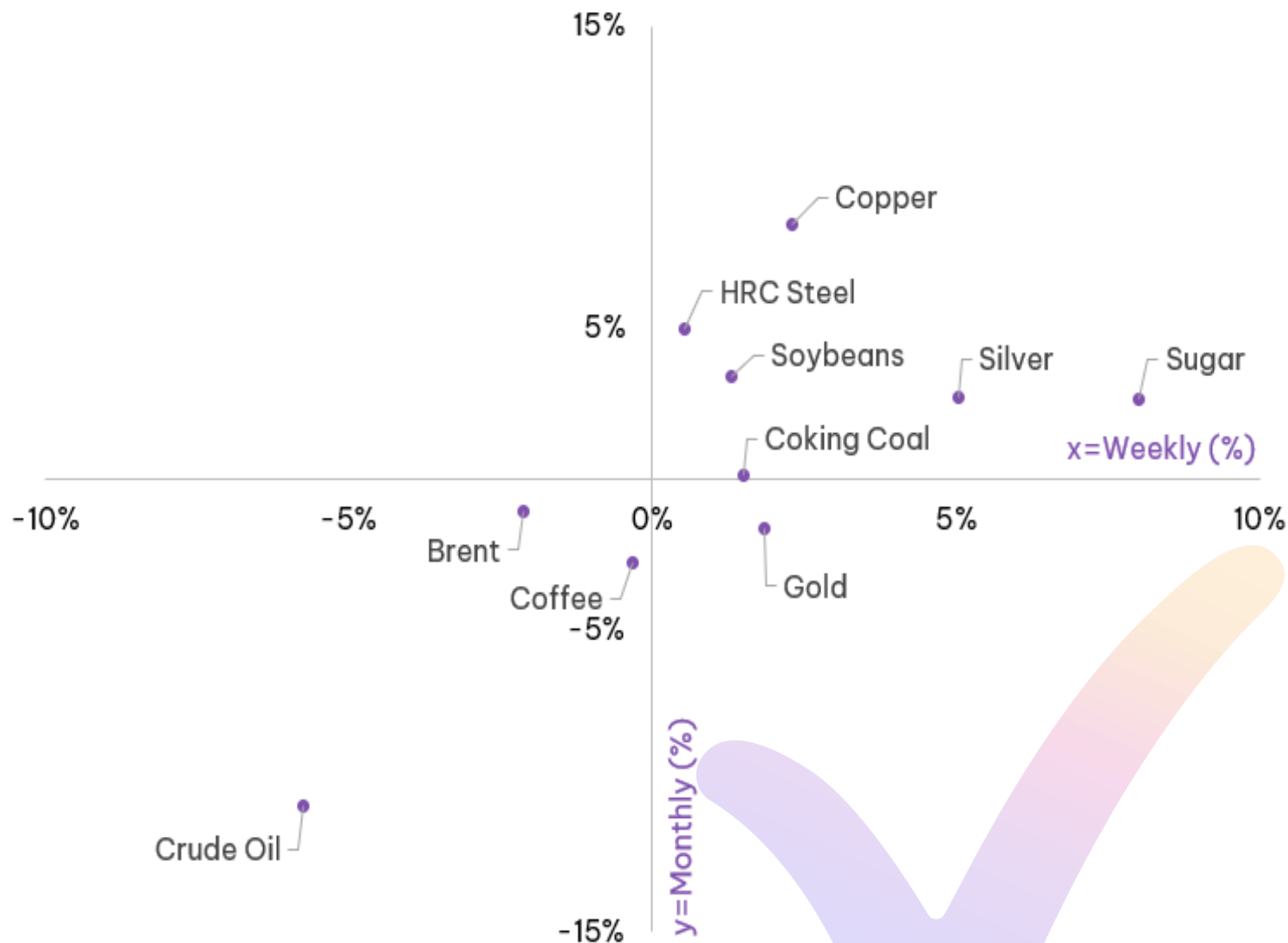
Nguồn: VikkiBankS Research

- Lãi suất liên ngân hàng đã tạo đỉnh ngắn hạn và bước vào xu hướng hạ nhiệt trong giai đoạn cuối tháng 3 – đầu tháng 4/2026, qua đó phản ánh áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng đang dần được giải tỏa. Diễn biến giảm đồng đều ở các kỳ hạn, đặc biệt là qua đêm và 1 tuần, cho thấy hiệu quả từ các động thái điều tiết kịp thời của NHNN cũng như sự cải thiện trong cân đối cung – cầu vốn ngắn hạn. Dù vẫn xuất hiện một số nhịp tăng cục bộ mang tính kỹ thuật, xu hướng chung hiện tại là ổn định hơn, hàm ý nhu cầu vay mượn giữa các tổ chức tín dụng không còn căng thẳng như trước. Trong ngắn hạn, nếu không phát sinh thêm áp lực từ tỷ giá hoặc yếu tố mùa vụ, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng nhiều khả năng sẽ duy trì ở vùng thấp hơn, góp phần hỗ trợ chi phí vốn và củng cố tâm lý thị trường tài chính.
- Trong tháng 4/2026, thị trường mở được vận hành theo hướng linh hoạt, bơm – hút đan xen nhưng nghiêng nhẹ về hỗ trợ thanh khoản. Các nhịp bơm ròng được triển khai kịp thời khi thị trường căng thẳng, góp phần hạ nhiệt lãi suất liên ngân hàng, trong khi hoạt động hút ròng vẫn duy trì để trung hòa lượng tiền dư thừa. Tổng thể, OMO đóng vai trò “van điều tiết” hiệu quả, giúp thanh khoản hệ thống ổn định hơn nhưng chưa phát tín hiệu nổi rõ ràng.

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 04-2026

Thứ Tư, 06 Tháng Năm 2026

Name	Price	YoY
Crude Oil (USD/bbl)	100,74	73,48%
Brent (USD/bbl)	108,11	76,88%
Coking Coal (USD/t)	235,00	26,34%
Gold (USD/t.oz)	4.630,08	37,14%
Silver (USD/t.oz)	74,90	130,78%
Copper (USD/lbs)	6,01	30,98%
HRC Steel (USD/t)	1.133,10	27,31%
Sugar (USD/lbs)	15,37	-11,76%
Soybeans (USD/bu)	1.197,70	16,22%
Coffee (USD/lbs)	289,75	-27,50%
Rice (USD/cwt)	11,71	-7,90%



Nguồn: Tradingeconomics, VikkiBankS Research

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.